**Chủ đề 20. RƯỢU ETYLIC (Etanol)**

**TÓM TẮT LÍ THUYẾT**

**I**

1. **Tính chất vật lí**

Rượu etylic (hay ancol etylic hoặc etanol) là chất lỏng, không màu, trong suốt, mùi thơm ,vị cay, sôi ở 78,3°C, nhẹ hơn nước, dễ bay hơi, tan vô hạn trong nước và hòa tan được nhiều chất như iot, benzen…

Khối lượng riêng 0,789 g/cm3

Nhiệt độ sôi 78,39 độ C

Độ rượu là số ml rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước



Trong đó: Vr là thể tích rượu nguyên chất.



**Hình 1:** Cách pha rượu 45o

Etanol tạo liên kết hidro nên nhiệt độ sôi cao hơn các dẫn xuất của hydrocarbon có khối lượng phân tử tương đương:

Axit > ancol > amin > este > xeton > anđehit > dẫn xuất halogen > ete > hidrocacbon

1. **Cấu tạo phân tử**

Etanol là một ancol mạch hở, công thức hóa học của nó là  hay  Một công thức thay thế khác là  thể hiện cacbon ở nhóm metyl  liên kết với carbon ở nhóm metylen , nhóm này lại liên kết với oxy của nhóm hydroxyl  Rượu etylic có công thức cấu tạo:



**Nhận xét:** Trong phân tử rượu etylic có một nguyên tử hiđro không liên kết với nguyên tử cacbon mà liên kết với nguyên tử oxi, tạo ra nhóm -OH. Chính nhóm -OH này làm cho rượu có tính chất đặc trưng.

1. **Tính chất hóa học.**

**a) Phản ứng cháy**

Rượu etylic cháy với ngọn lửa màu xanh, tỏa nhiều nhiệt.

  

**b) Tác dụng với kim loại mạnh như K, Na,... giải phóng khí H2**

Ví dụ:  2CH3 – CH2 – OH + 2Na → 2CH3 – CH2 – ONa + H2.



**Hình 2:** Minh họa thí nghiệm rượu etylic tác dụng với Na.

**c) Tác dụng với axit axetic**

Rươu etylic tác dụng với axit axetic thu được este.

Phương trình hóa học:

  

Tổng quát phản ứng este hóa



Phản ứng được thực hiện trong môi trường axit và đun nóng.

Phản ứng có tính thuận nghịch nên chú ý đến chuyển dịch cân bằng.

**d) Tác dụng với axit halogen**





Khả năng phản ứng: 

**e) Phản ứng tách nước**

Phản ứng tách nước (đề hiđrat hóa) của etanol tạo thành etylen và nước.



**f) Phản ứng lên men giấm**

Phản ứng oxi hóa không hoàn toàn với xúc tác là men giấm ở 25 độ C tạo thành axit axetic (giấm ăn)



1. **Ứng dụng.**

Rượu etylic có nhiều ứng dụng như:

- Làm nguyên liệu sản xuất axit axetic, dược phẩm, cao su tổng hợp, các loại đồ uống.

- Làm nhiên liệu cho động cơ; nhiên liệu cho đèn cồn trong phòng thí nghiệm…

- Làm dung môi pha vecni, nước hoa…

1. **Điều Chế**

Rượu etylic thường được điều chế theo các cách sau:

- Tinh bột hoặc đường → Rượu etylic



- Cho etylen cộng hợp với nước có axit làm xúc tác: Tuân theo quy tắc ***Maccopnhicop,*** Phản ứng cần xúc tác acid:  (không dùng )



**DÃY ĐỒNG ĐẲNG CỦA ANCOL (RƯỢU) **

**Metanol** (ancol metylic - )

****

**Etanol** (ancol etylic -  )

****

**1-Propanol** (ancol 1-propylic -  )

****

**1-Butanol** (ancol 1-butylic - )



**1-Pentanol** (ancol 1-pentylic - )

****

**CÁC DẠNG TOÁN**

**II**

**Dạng 1. Giải thích các hiện tượng hóa học, nhận biết hóa chất**

Phương pháp

**1**

- Nắm vững các tính chất hóa học của **rượu etylic**

- Phán đoán các phản ứng hóa học xảy ra phù hợp với hiện tượng.

Ví dụ minh họa

**2**

1. A, B, C là ba hợp chất hữu cơ có công thức phân tử tương ứng là C2H60, C3H80, C4H10O. Hãy viết công thức cấu tạo của A, B, C biết cả ba chất đều tác dụng được với natri giải phóng hiđro.

**Lời giải:**

1. Có ba chất hữu cơ có công thức phân tử là  được kí hiệu ngẫu nhiên là A, B, C biết :

- Chất A và C tác dụng được với natri.

- Chất B ít tan trong nước.

- Chất C tác dụng được với 

Hãy xác định công thức phân tử và viết công thức cấu tạo của A, B, C.

**Lời giải:**

1. Viết phương trình hoá học của phản ứng xảy ra trong các trường hợp sau :

a) Cho natri vào hỗn hợp rượu etylic và benzen.

b) Cho natri vào rượu 45°.

**Lời giải:**

1. Trong số các chất sau:  chất nào tác dụng được với Na? Viết phương trình hóa học.

**Lời giải:**

1. Có ba ống nghiệm: Ống 1 đựng rượu etylic, ống 2 đựng rượu etylic , ống 3 đựng nước. Cho Na dư vào các ống nghiệm trên, viết các phương trình hóa học.

**Lời giải:**

**Dạng 2. Bài tập về độ rượu.**

Độ rượu là số ml rượu nguyên chất trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

- Công thức tính độ rượu: Độ rượu

- Công thức khối lượng riêng: 

Phương pháp

**1**

- Bước 1: Xử lý dữ kiện đề bài cho.

- Bước 2: Tính Vrượu, Vrượu+nước.

- Bước 3: Tính độ rượu cần tìm.

Ví dụ minh họa

**2**

1. Trên các chai rượu đều có ghi các số, thí dụ 

**a)** Hãy giải thích ý nghĩa của các số trên.

**b)** Tính số ml rượu etylic có trong 500ml chai rượu 

**c)** Có thể pha được bao nhiêu lít rượu   từ 500ml rượu 

**Lời giải:**

1. Hòa tan m gam ancol etylic () vào 216 ml nước () tạo thành dung dịch A. Cho A tác dụng với Na dư thu được 170,24 lit (đktc) khí H2. Dung dịch A có độ rượu bằng bao nhiêu?

**Lời giải:**

1. Lên men 1 lit ancol etylic 23 độ thu được giấm ăn. Biết hiệu suất lên men là 100% và khối lượng riêng của ancol etylic là 0,8 gam/ml. Khối lượng axit axetic trong giấm là bao nhiêu?

**Lời giải:**

1. Biết khối lượng riêng của  là 0,8 gam/ml, khi đó khối lượng glucozo cần để điều chế 1 lit dd rượu etylic  với hiệu suất 80% là bao nhiêu?

**Lời giải:**

**Dạng 3. Bài tập tổng hợp.**

Phương pháp

**1**

- Viết phương trình phản ứng

- Chuyển đổi khối lượng, thể tích các chất hóa học về đơn vị ***mol***

- Sử dụng quy tắc tam suất, quy tắc bảo toàn, ... tính toán các yếu tố yêu cầu.

Ví dụ minh họa

**2**

1. Đốt cháy hoàn toàn 9,2g rượu etylic.

a) Tính thể tích khí  tạo ra ở điều kiện tiêu chuẩn.

b) Tính thể tích không khí (ở điều kiện tiêu chuẩn) cần dùng cho phản ứng trên biết oxi chiếm 20% thể tích của không khí.

**Lời giải:**

**TRẮC NGHIỆM**

**III**

**Câu 1:** Độ rượu là

**A.** số mol rượu etylic có trong 100ml hỗn hợp rượu với nước.

**C.** số ml rượu etylic có trong 1000ml hỗn hợp rượu với nước.

**B.** số l rượu etylic có trong 100ml hỗn hợp rượu với nước.

**D.** số ml rượu etylic có trong 100ml hỗn hợp rượu với nước.

**Câu 2:** Công thức cấu tạo thu gọn của rượu etylic là:

**A. **  **B. ** **C. **  **D. **

**Câu 3:** Số ml rượu etylic có trong 500 ml rượu 400 là:

**A.** 20ml **B.** 200ml **C.** 2ml **D.** 0,2ml

**Câu 4:** Đun nóng axit axetic với rượu etylic có axit sunfuric làm xúc tác thì người ta thu được một chất lỏng không màu, mùi thơm, không tan trong nước và nổi trên mặt nước. Sản phẩm đó là

**A.** đimetyl ete **B.** etyl axetat **C.** rượu etylic **D.** metan

**Câu 5:** Cho 18 gam một ancol (X) thuộc dãy đồng đẳng của ancol etylic tác dụng với natri dư thu được 3.36 dm3 khí H2 (đktc). Công thức phân tử của (X) là:

**A.** CH4O **B.** C2H6O **C.** C3H8O **D.** C4H10O

**Câu 6:** Ancol etylic phản ứng được với natri vì?

**A.** Trong phân tử có nguyên tử oxi

**B.** Trong phân tử có nguyên tử hidro và nguyên tử oxi

**C.** Trong phân tử có nguyên tử cacbon, hidro và oxi

**D.** Trong phân tử có nhóm -OH

**Câu 7:** Ancol etylic có khả năng tan tốt trong nước là do:

**A.** Ancol etylic tạo được liên kết hidro với nước

**B.** Ancol etylic uống được

**C.** Ancol etylic là chất lỏng

**D.** Ancol etylic chứa cacbon và hidro

**Câu 8:** Ancol etylic được điều chế từ nguồn nào sau đây?

**A.** Tinh bột **B.** Glucozo **C.** Etilen **D.** Cả ba đáp án trên

**Câu 9:** Trên nhãn chai ancol có ghi số 40. Ý nghĩa của con số ghi trên là:

**A.** Trong 100gam Ancol có 40 gam Ancol etylic nguyên chất

**B.** Nhiệt độ sôi của Ancol etylic là 40 độ C

**C.** Trong 100ml Ancol có 40 ml Ancol etylic nguyên chất

**D.** Nhiệt độ đông đặc của Ancol etylic à 40 độ C

**Câu 10:** Ancol etylic có lẫn một ít nước, có thể dùng chất nào sau đây để làm khan ancol?

**A.** CaO **B.** H2SO4 đặc **C.** CuSO4 khan **D.** Cả ba đáp án trên

**Câu 11:** Từ Ancol etylic người ta có thể điều chế được sản phẩm nào sau đây?

**A.** Axit axetic **B.** Cao su tổng hợp

**C.** Etyl axetat **D.** Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 12:** Hòa tan 84 gam Ancol etylic vào nước để được 300 ml dung dịch ancol. Biết Dancol = 0,8 g/cm3, Dnước = 1g/cm3 và thể tích không khí không hao hụt khi pha trộn/ Nồng độ phần trăm và độ ancol của dung dịch thu được là:

**A.** 30,11% và 35∘ **B.** 35,11% và 35∘ **C.** 40,11% và 30∘ **D.** 45,11% và 40∘

**Câu 13:** Cho 450ml anco 35∘. Từ ancol này có thể pha chế được bao nhiêu ít ancol 15∘?

**A.** 1 lít **B.** 1,2 lít **C.** 1,1 lít **D.** 1,05 lít

**Câu 14:** Ancol etylic cháy theo phương trình phản ứng: C2H6O + O2 → CO2 + H2O

Hệ số cân bằng của phương trình lần lượt là:

**A.** 2, 3, 4, 5 **B.** 2, 3, 2, 3 **C.** 1, 3, 2, 3 **D.** 1, 3, 3, 3

**Câu 15:** Lấy 12,5 ml dung dịch ancol 92∘ tác dụng với natri dư, biết Dancol = 0,8 g/cm3, Dnước = 1g/cm3. Thể tích khí hidro thu được là:

**A.** 1,86 lít **B.** 0,86 lít **C.** 3,86 lít **D.** 2,86 lít

**Câu 16:** Một bạn học sinh lấy từ phòng thí nghiệm ra 80ml một loại ancol etylic chưa rõ độ ancol và tiến hành đốt cháy hoàn toàn. Sản phẩm sinh ra được dẫn qua dung dịch nước vôi trong dư thu được 236,52 gam kết tủa. Biết khối lượng riêng của ancol nguyên chất là 0,8 g/ml. Độ ancol mà bạn học sinh này đã lấy là:

**A.** 85∘ **B.** 92∘ **C.** 90∘ **D.** 95∘

**Câu 17:** Trong công nghiệp, ancol etylic được điều chế bằng cách cho khí etilen hợp với nước dư có axit H2SO4 loãng làm xúc tác. Nếu dùng 7,84 dm3 khí C2H4 lội qua nước thì thu được bao nhiêu gam ancol? Biết H= 50%.

**A.** 8,05 gam **B.** 7,05 gam **C.** 6,05 gam **D.** 5,05 gam

**Câu 18:** Cho hỗn hợp (A) gồm ancol etylic và một ancol (Y) cùng dãy đồng đẳng của ancol etylic. Cho 3,88 gam (A) tác dụng hoàn toàn với kim loại kali, khí hidro thoát ra được dẫn hết qua ống đựng bột CuO dư nung nóng, thu được 1,92 gam đồng. Biết nancol: nY= 1: 2. CTPT của ancol (Y) đem dùng là:

**A.** CH3OH **B.** C3H7OH **C.** C4H9OH **D.** C5H11OH

**Câu 19:** CTPT của ancol dạng C4H10O có bao nhiêu CTCT khác nhau?

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 20:** Để đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol ancol có công thức CnH2n+1OH thì cần 10,08 lít khí oxi (đktc). CTPT của ancol là:

**A.** CH3OH **B.** C2H5OH **C.** C3H7OH **D.** C4H9OH

**Câu 21:** Công thức cấu tạo của rượu etylic là

**A.** CH2 – CH3 – OH. **B.** CH3 – O – CH3. **C.** CH2 – CH2 – OH2. **D.** CH3 – CH2 – OH.

**Câu 22:** Nhận xét nào sau đây là sai?

**A.** Rượu etylic là chất lỏng, không màu. **B.** Rượu etylic tan vô hạn trong nước.

**C.** Rượu etylic có thể hòa tan được iot. **D.** Rượu etylic nặng hơn nước.

**Câu 23:** Nhận xét nào đúng về nhiệt độ sôi của rượu etylic?

**A.** Rượu etylic sôi ở 100°**C.**

**B.** Nhiệt độ sôi của rượu etylic cao hơn nhiệt độ sôi của nước.

**C.** Rượu etylic sôi ở 45°**C.**

**D.** Rượu etylic sôi ở 78,3°**C.**

**Câu 24:** Độ rượu là

**A.** số ml rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

**B.** số ml nước có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

**C.** số gam rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

**D.** số gam nước có trong 100 gam hỗn hợp rượu với nước.

**Câu 25:** Trong 100 ml rượu 40° có chứa

**A.** 40 ml nước và 60 ml rượu nguyên chất.

**B.** 40 ml rượu nguyên chất và 60 ml nước.

**C.** 40 gam rượu nguyên chất và 60 gam nước.

**D.** 40 gam nước và 60 gam rượu nguyên chất.

**Câu 26:** Để phân biệt hai chất lỏng không màu là benzen và rượu etylic ta dùng

**A.** sắt. **B.** đồng **C.** natri. **D.** kẽm.

**Câu 27:** Rượu etylic tác dụng được với dãy hóa chất là

**A.** NaOH; Na; CH3COOH; O2. **B.** Na; K; CH3COOH; O2.

**C.** C2H4; K; CH3COOH; Fe. **D.** Ca(OH)2; K; CH3COOH; O2.

**Câu 28:** Cho 11,2 lít khí etilen (ở đktc) tác dụng với nước có axit sunfuric đặc làm xúc tác, thu được 9,2 gam rượu etylic. Hiệu suất phản ứng là

**A.** 40%. **B.** 40%. **C.** 50%. **D.** 60%.

**Câu 29:** Cho 23 gam rượu etylic nguyên chất tác dụng với kali dư. Thể tích khí H2 thoát ra (ở đktc) là

**A.** 2,8 lít. **B.** 5,6 lít. **C.** 8,4 lít. **D.** 11,2 lít.

**Câu 30:** Hòa tan 30 ml rượu etylic nguyên chất vào 90 ml nước cất thu được

**A.** rượu etylic có độ rượu là 20°. **B.** rượu etylic có độ rượu là 25°.

**C.** rượu etylic có độ rượu là 30°. **D.** rượu etylic có độ rượu là 35°.

**Câu 31:** Nhận định nào sau đây đúng?

**A.** Rượu 45° khi sôi có nhiệt độ không thay đổi.

**B.** Trong 100 gam rượu 45°, có 45 gam rượu và 55 gam H20.

**C.** Natri có khả năng đẩy được tất cả các nguyên tử hiđro ra khỏi phân tử rượu etylic.

**D.** Trong rượu etylic, natri chỉ đẩy được nguyên tử hiđro trong nhóm -OH.

**Câu 32:** Rượu etylic tan nhiều trong nước vì trong phân tử có

**A.** hai nguyên tử cacbon.

**B.** sáu nguyên tử hiđro.

**C.** nhóm .

**D.** hai nguyên tử cacbon và sáu nguyên tử hiđro.

**BẢNG ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.D | 2.A | 3.B | 4.B | 5.C | 6.D | 7.A | 8.D | 9.C | 10.B |
| 11.D | 12.A | 13.D | 14.C | 15.D | 16.A | 17.A | 18.C | 19.D | 20.C |
| 21.D | 22.D | 23.D | 24.A | 25.B | 26.C | 27.B | 28.A | 29.B | 30.B |
| 31.D | 32.C |  |  |  |  |  |  |  |  |